

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TD  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST  
Ngày 30-5-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Kiều Thị Thắng.

Ông Nguyễn Đình La.

***Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên toà:*** Bà Đoàn Thị Thúy Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1993; nơi cư trú: Thôn TP, xã DT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (Đã chết) và bà Tô Thị T; có vợ là Đào Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 02/01/2022, bị tạm giam ngày 10/01/2022 đến nay, (Có mặt).

**2. Tô Văn T2**, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1997; nơi cư trú: Thôn CT, xã DT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Viết N và bà Phùng Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 02/01/2022, bị tạm giam ngày 10/01/2022 đến nay, (Có mặt).

**3. Phùng Văn D**, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1997; nơi cư trú: Thôn NT, xã DT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Phùng Văn Đ (Đã chết) và bà Phùng Thị D; có vợ là Đào Thị G và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 80/HSST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TD xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Đánh bạc. Đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền phạt ngày 07/6/2018. Chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo ngày 18/12/2018. Bị tạm giữ ngày 02/01/2022, bị tạm giam ngày 10/01/2022 đến nay, (Có mặt).

**4. Trần Văn H**, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1999; nơi cư trú: Thôn NT, xã DT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Phùng Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 02/01/2022, bị tạm giam ngày 10/01/2022 đến nay, (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T1, Phùng Văn D, Tô Văn T2 và Trần Văn H là các đối tượng nghiện chât ma túy đá. Trước khi bị bắt T1 và đồng bọn đã nhiều lần cùng nhau sử dụng trái phép chât ma túy đá. Khoảng 19 giờ ngày 01/01/2022, T2, D và H đến nhà T1 uống rượu tại gian nhà bếp của gia đình T1 ở thôn TP, xã DT, huyện TD. Trong quá trình uống rượu thì T1, T2, D và H muốn sử dụng ma túy đá nhưng không ai có tiền để mua. T1 có bạn thân là Nguyễn Văn U, sinh năm 1987 (Tên gọi khác là K) ở thôn ND, xã AH, huyện TD có bán ma túy đá nên T1 có thể mua chịu được ma túy của U. Sau đó, T1 nói với T2, D và H là T1 sẽ gọi điện thoại cho U rủ đến uống rượu cùng và bảo U cầm ma túy đá lên nhà T1 để bán chịu cho T1, T2, D và H, giá bao nhiêu tiền sẽ chia đều tiền cho từng người góp lại để trả nợ sau. T2, D và H đồng ý. Sau đó, T2 sử dụng điện thoại bấm gọi đến số điện thoại của U nhưng U không nghe máy. T1 lấy xe mô tô biển kiểm soát 88K1-365.33 của Phùng Văn D đi đến cổng nhà U, T1 đứng ngoài gọi U ra cổng, T1 nói với U bán chịu cho một gói ma túy đá, có gì nói chuyện sau (Tức là bao nhiêu tiền thì T1 trả sau). U đồng ý, không nói giá tiền và đưa cho T1 một gói nilon màu trắng, viên khóa bấm màu trắng bên trong đựng ma túy đá. T1 cầm gói ma túy U đưa đồng thời rủ U lên nhà T1 uống rượu nhưng U không đi. T1 điều khiển xe mô tô quay về nhà và đi vào gian bếp thả gói ma túy đá vừa mua được của U xuống dưới chiếu vị trí T2, D và H đang ngồi đợi sẵn. T2 hỏi gói ma túy này giá bao nhiêu, T1 trả lời chưa biết. T2, D và H thấy không rõ ràng, sợ sau này U nói gói ma túy giá 1.000.000 đồng thì cũng phải góp để trả nên T2, D và H chưa sử dụng ngay. Thấy vậy, T1 nói với 2, D và H, sau này mỗi người đưa cho T1 100.000 đồng để trả nợ tiền mua ma túy cho U, thừa thiếu thế nào tính sau thì T2, D và H đồng ý. T1 bảo T2 đến góc bếp lấy chai nhựa và lấy nước còn T1 đến gác bếp lấy bộ công cụ sử dụng ma túy gồm cóong thủy tinh, một ống hút nhựa gắn sẵn trên nắp chai. T2 cầm gói ma túy đá T1 để trên chiếu, đổ hết ma túy đá vào cóong thủy tinh, ném

túi nilon vào bếp củi đang cháy tại bếp rồi lắp bộ dụng cụ vào chai nước và bắt đầu sử dụng. Lần thứ nhất: T2 là người châm lửa, lần lượt cho T2, D, T1 và H sử dụng ma túy đá. Lần thứ hai: T2 sử dụng xong, khi T2 đang châm lửa cho D sử dụng thì bị Công an huyện TD bắt quả tang. Thấy Công an đến nên T2 ném bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá vào bếp củi đang cháy để tiêu hủy vật chứng. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD tiến hành thu giữ trên bếp củi đang cháy 01 chai nhựa màu trắng bên trong có chứa nước, trên có gắn nắp vặn màu đen, phần nắp có gắn 01 cóng thủy tinh màu trắng nối với ống hút nhựa màu tím và 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng, được nối với nhau bằng 03 đoạn, bên trong cóng thủy tinh có chứa chất bám dính màu nâu, được niêm phong ký hiệu A1; 01 bật lửa màu đỏ đen; Thu giữ của H 01 điện thoại di động; của T2 01 điện thoại di động; của D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 88K1-365.33.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T1 ở thôn TP, xã ĐT, huyện TD thu giữ trong phòng ngủ của T1 01 vỏ túi nilon màu trắng, có viền khóa bấm màu trắng, bên trong không chứa gì.

Tại kết luận giám định số 84 ngày 03/01/2022; Kết luận giám định số 70 ngày 05/01/2022; Kết luận giám định số 85, 86 ngày 06/01/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc (Giám định mẫu nước tiểu): Tìm thấy ma túy Methamphetamine trong nước tiểu của Trần Văn H, Nguyễn Văn T1, Tô Văn T2 và Phùng Văn D.

Tại kết luận giám định số 71 ngày 05/01/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận (mẫu A1): Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,6862 gam, loại Methamphetamine. Hoàn trả sau giám định 0,5611 gam, cóng thủy tinh toàn bộ bao gói.

Về nguồn gốc ma túy thu giữ khi bắt quả tang ngày 01/01/2022 Nguyễn Văn T1, Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H khai nhận: Tối ngày 01/01/2022, T1, T2, D và H thỏa thuận góp tiền mua ma túy sử dụng chung nhưng do không có tiền nên T1 mua chịu của Nguyễn Văn U, sinh năm 1987 (Tên gọi khác là K) ở thôn NB, xã AH, huyện TD để sử dụng cho bản thân. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn U thừa nhận về hành vi bán chịu ma túy đá cho Nguyễn Văn T1 cùng đồng bọn. Ngoài ra T1, T2, D và H khai nhận bản thân không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, thỉnh thoảng các bị cáo có tụ tập, sử dụng chất ma túy đá ở ngoài cánh đồng, nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể chi tiết diễn biến. Ngày 01/01/2022 là lần đầu tiên các bị cáo cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà ở của Nguyễn Văn T1 thì bị bắt quả tang như đã khai ở trên.

Tại bản cáo trạng số 35/CT - VKSTD ngày 29 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015

và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Văn T1 từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 09 năm 03 tháng đến 09 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 02/01/2022.

- Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Tô Văn T2 từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 02/01/2022.

- Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Phùng Văn D từ 01 năm 07 tháng tù đến 01 năm 10 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 02/01/2022.

- Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Trần Văn H từ 01 năm 05 tháng tù đến 01 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 02/01/2022.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 5 Điều 249, khoản 3 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 để phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 0,5611 gam ma túy, loại Methamphetamine, cóong thủy tinh cùng toàn bộ bao gói; 01 chai nhựa màu trắng bên trên có gắn nắp vặn màu đen, phần nắp có gắn nối với ống hút nhựa màu tím và 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng (được nối với nhau bằng 03 đoạn) và 01 bật lửa màu đỏ đen, 01 vỏ túi nilon màu trắng, có viên khóa bấm màu trắng.

- Trả lại cho Trần Văn H 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng, Tô Văn T2 01 điện thoại di động mặt trước màu trắng, màn hình bị rạn nứt có ghi chữ OPPO màu hồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Thu hồi, tịch thu của Nguyễn Văn T1, Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H mỗi bị cáo 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Nguyễn Văn T1, Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H là các đối tượng nghiện chất ma túy đá. Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 01/01/2022 trong khi T1, T2, D và H uống rượu tại gian bếp của gia đình T1 ở thôn TP, xã DT, huyện TD, các bị cáo thống nhất góp tiền để T1 đi mua ma túy của Nguyễn Văn U (Tên gọi khác là K) ở thôn ND, xã AH, huyện TD về để sử dụng. Sau khi mua được ma túy về, khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/01/2022, tại gian bếp của gia đình T1, T1 đã có hành vi sử dụng địa điểm là nơi ở của gia đình T1, T1 đã sử dụng ma túy tại đây và cho Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H sử dụng trái phép chất ma túy, khi các bị cáo mới sử dụng được một phần chất ma túy thì bị Công an huyện TD bắt quả tang thu giữ 0,6862 gam, loại Methamphetamine và các vật chứng khác có liên quan của vụ án.

Hành vi của Nguyễn Văn T1 đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015

Điều 249 quy định: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) ... Methamphetamine ... có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05gam”.

Điều 256 quy định: “1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d. Đối với 02 người trở lên;”

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm phạm trật tự trị an, an toàn xã hội, gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy đang là tệ nạn xã hội không giảm mà còn có chiều hướng ngày càng gia tăng, từ tội phạm về ma túy sẽ dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật khác và là nguyên nhân lây nhiễm căn bệnh HIV/AIDS. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp

dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Trong vụ án này, Nguyễn Văn T1 là người giữ vai trò chính, T1 là người trực tiếp đi mua ma túy, T1 sử dụng nhà ở của mình làm địa điểm để T1, T2, D và H cùng sử dụng trái phép chất ma túy. T2 là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy, lấy nước lắp dụng cụ sử dụng ma túy và châm lửa cho T1, T2, D và H sử dụng trái phép chất ma túy. Phùng Văn D và Trần Văn H là các đồng phạm với T1 và T2 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Các bị cáo đều thực hiện tội phạm tích cực. Ngoài ra, bị cáo D có nhân thân xấu: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 80/HSST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TD xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Đánh bạc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm để làm ăn lương thiện, mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải lên một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Tuy nhiên có xem xét đến tình tiết các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 256 Bộ luật hình sự 2015 “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 200.000.000đ hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Trong vụ án này còn có Nguyễn Văn U (Tên gọi khác là K) ở thôn ND, xã AH, huyện TD là người đã bán nợ cho Nguyễn Văn T1 01 gói ma túy đá. Tuy nhiên, Nguyễn Văn U hiện đang là bị can trong một vụ án khác về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự do cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD tiếp tục điều tra hành vi phạm tội của Nguyễn Văn U để xử lý theo quy định của pháp luật hình sự nên không giải quyết trong vụ án này.

Đối với hành vi Nguyễn Văn T1 dùng địa điểm trực tiếp cùng T2; D và H sử dụng trái phép chất ma túy. T là người vừa cung cấp dụng cụ, lấy nước, lắp dụng cụ sử dụng ma túy và là người châm lửa cho T2, T1, D và H sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà ở của T1, D cho T1 mượn phương tiện là xe mô tô đi mua ma túy. Tuy nhiên, trước khi thực hiện các hành vi trên, T1 cùng T2, D và H đã cùng bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất từ trước để T1 đứng ra mua chịu ma túy đá của Nguyễn Văn U mang về cùng nhau sử dụng chung. Ngoài T1, T2, D

và H ra không còn ai khác sử dụng trái phép chất ma túy nên các hành vi của các bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Công an huyện TD đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ số 18 đến 21 ngày 18/01/2022, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với T2, T1, D và H hình thức cảnh cáo.

Quá trình điều tra xác định, gia đình T1, có T1 và bà Tô Thị T, (Mẹ đẻ T1) và 03 con đẻ của T1 (Lớn nhất sinh năm 2014) đang sinh sống tại đây. Còn vợ T1 là chị Đào Thị H, do 02 vợ chồng đã ly thân nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ trước, hiện không còn sinh sống với gia đình T1. Bà T và chị H không biết việc T1 cho các bị cáo trong vụ án sử dụng địa điểm của gia đình làm nơi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét xử lý hình sự đối với bà T và chị H.

Đối với chị Đào Thị G, sinh năm 2002 (Là vợ của Phùng Văn D), đứng tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88K1-365.33. Ngày 01/01/2022 Dũng đã sử dụng xe mô tô đi đến nhà T1 và cho T1 mượn sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy. Tuy nhiên, D không nói cho chị G, chị G không biết mục đích D cho T1 mượn xe mô tô sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy, nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị G.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 0,5611 gam ma túy, loại Methamphetamine, cóong thủy tinh cùng toàn bộ bao gói; 01 chai nhựa màu trắng bên trên có gắn nắp vặn màu đen, phần nắp có gắn nối với ống hút nhựa màu tím và 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng (Được nối với nhau bằng 03 đoạn) và 01 bật lửa màu đỏ đen, 01 vỏ túi nilon màu trắng, có viên khóa bấm màu trắng là vật chứng vụ án, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng của Trần Văn H và 01 điện thoại di động mặt trước màu trắng, màn hình bị rạn nứt có ghi chữ OPPO màu hồng của Tô Văn T2. Quá trình điều tra xác định, là tài sản hợp pháp của H và T2, không liên quan đến việc phạm tội trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 88K1-365.33, quá trình điều tra xác định là tài sản riêng hợp pháp của chị Đào Thị G vợ bị cáo D có trước thời kỳ hôn nhân với Phùng Văn D. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị G là hợp pháp.

- Đối với số tiền 400.000 đồng các bị cáo thống nhất mua nợ 01 gói ma túy của Nguyễn Văn U sau đó cùng nhau sử dụng. Đây là tiền liên quan đến việc phạm tội. Vì vậy cần thu hồi, tịch thu của T1, T2, D và H mỗi bị cáo 100.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.



*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Văn T1 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 02/01/2022). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Tô Văn T2 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 02/01/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Phùng Văn D 01 (Một) năm 07 (Bảy) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 02/01/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Trần Văn H 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 02/01/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 0,5611 gam ma túy, loại Methamphetamine, cóong thủy tinh cùng toàn bộ bao gói; 01 chai nhựa màu trắng bên trên có gắn nắp vặn màu đen, phần nắp có gắn nối với ống hút nhựa màu tím và 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng (được nối với nhau bằng 03 đoạn) và 01 bật lửa màu đỏ đen, 01 vỏ túi nilon màu trắng, có viền khóa bấm màu trắng.

- Trả lại cho Trần Văn H 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng, Tô Văn T2 01 điện thoại di động mặt trước màu trắng, màn hình bị rạn nứt có ghi chữ OPPO màu hồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Thu hồi, tịch thu của Nguyễn Văn T1, Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần

Văn H mỗi bị cáo 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Các vật chứng tịch thu, tiêu hủy, tài sản trả lại có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện TD và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD ngày 24/5/2022.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Tô Văn T2, Phùng Văn D và Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TD;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện TD;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Trần Tiến Dũng**